

**UBND TỈNH THÁI BÌNH  
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG  
VÀ CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 101/BQLDA-KTTĐ

Thái Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2023

V/v đề nghị đăng tải thông tin tham vấn  
đánh giá tác động môi trường dự án “Kho  
lưu trữ chuyên dụng tỉnh Thái Bình”.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp (Ban Quản lý dự án) đã tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Thái Bình”.

Căn cứ Khoản 3, Điều 26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Ban Quản lý dự án kính gửi Sở Tài nguyên và môi trường dự thảo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và trân trọng đề nghị Sở Tài nguyên và môi trường xem xét hồ sơ, đăng tải tham vấn ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân chịu tác động trực tiếp dự án đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ dự thảo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trong USB gửi kèm Công văn này, bao gồm: 02 tệp tin Báo cáo tóm tắt ĐTM của dự án (01 tệp tin scan có đóng dấu và giáp lai định dạng.pdf và 01 tệp tin định dạng .doc). Các ý kiến tham vấn xin được tổng hợp và gửi về Ban Quản lý dự án (địa chỉ: Số 02, ngõ 274, đường Trần Thánh Tông, thành Phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) để chủ dự án hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trân trọng đề nghị./

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu VT.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Cừ

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

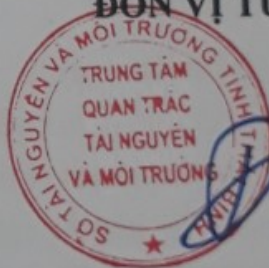
Của DỰ ÁN “KHO LƯU TRỮ CHUYÊN DỤNG TỈNH THÁI BÌNH”  
(Bản tóm tắt nội dung tham vấn)

CHỦ DỰ ÁN



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Tiến Cừ*

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Đình Đề*

Thái Bình, tháng 4/2023

**NỘI DUNG THAM VẤN**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “KHO LƯU**  
**TRỮ CHUYÊN DỤNG TỈNH THÁI BÌNH”**

**1. Thông tin chung về dự án**

**1.1. Thông tin về dự án**

- Tên dự án: Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Thái Bình.
- Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án dự kiến: 95.196.000.000 đồng.
- Tiến độ thực hiện dự án: Không quá 4 năm kể từ năm 2023.
- Dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Thái Bình.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô số 09, khu các cơ quan hành chính, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình (thuộc quy hoạch phân khu tỉ lệ 1:2000 Khu đô thị Hoàng Diệu được phê duyệt tại Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 27/9/2010).

- Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn những hồ sơ, tài liệu có giá trị lưu trữ vĩnh viễn của các cơ quan, tổ chức, địa phương trong tỉnh, phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và công tác hoạch định các chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh theo hướng bền vững theo quy định của pháp luật; phục vụ các tổ chức và công dân đến khai thác, nghiên cứu tài liệu tại Lưu trữ lịch sử được thuận lợi và kịp thời, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

- Quy mô đầu tư:

Các công trình xây dựng bao gồm:

- Kho để tài liệu 5 tầng + 1 tầng hầm.
- Các khu vực khác 4 tầng, gồm các hạng mục:
  - + Khu vực xử lý nghiệp vụ lưu trữ gồm các phòng: Phòng tiếp nhận tài liệu; Phòng khử trùng tài liệu; phòng khử axit tài liệu; phòng chỉnh lý tài liệu; phòng để tài liệu giá hết giá trị; phòng tu bổ, phục chế tài liệu; phòng lập bản sao bảo hiểm.
  - + Khu vực lắp đặt thiết bị kỹ thuật gồm các phòng: Phòng lắp đặt hệ thống điều hòa trung tâm; phòng lắp đặt thiết bị theo dõi, giám sát, kiểm soát bảo vệ, xử lý trong trường hợp xảy ra cháy nổ; kho để bảo quản các thiết bị kỹ thuật.
  - + Khu vực phục vụ công chúng gồm các phòng: Phòng đọc chung; phòng đọc đặc biệt; phòng bảo quản tạm tài liệu; phòng sao chụp tài liệu; phòng hội nghị; phòng trưng bày; phòng gửi tư trang.

+ Khu hành chính gồm các phòng: Phòng Chi cục trưởng; phòng làm việc; phòng họp; phòng khách; phòng bảo vệ, an ninh.

- Các hạng mục phụ trợ: Tường rào sắt, tường rào gạch; nhà bảo vệ; lán xe; nhà vệ sinh; sân bê tông; rãnh thoát nước; cây xanh thảm cỏ; phần san lấp; khu bếp, nhà ăn; hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà.

- Các thiết bị: Hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống điều hòa không khí các kho và nhà làm việc; giá đựng tài liệu; thiết bị theo dõi, giám sát, kiểm soát bảo vệ và một số thiết bị chuyên dụng khác.

### 1.3. Công nghệ sản xuất: không có.

### 1.4. Các hạng mục công trình

STT	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH PHÒNG (m <sup>2</sup> )	SỐ PHÒNG	TỔNG DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )
	<b>TẦNG 1</b>			<b>760</b>
1	Sảnh; hành lang giao thông; thang	268	1	268
2	Khối nghiệp vụ, quản lý VTLT gửi đồ	33	1	33
3	Phòng khách	33	1	33
4	Phòng đón tiếp	22	1	22
5	Khu trưng bày theo chuyên đề	89	1	89
6	Trưng bày tài liệu chung	103	2	206
7	Khu vệ sinh chung	21	1	21
8	Diện tích kết cấu, tường xây	88		88
9	<b>TẦNG 2</b>			<b>753</b>
10	Sảnh; hành lang giao thông; thang	330	1	330
11	Phòng giao ban	72	1	72
12	Phòng hội thảo	72	1	72
13	Hành chính tổng hợp	62	1	62
14	Chi cục trưởng	56	1	56

15	Tài vụ	22	1	22
16	Khối nghiệp vụ - quản lý, tổ chức	33	1	33
17	Khu vệ sinh chung	22	1	22
18	Diện tích kết cấu, tường xây	84		84
19	<b>TẦNG 3</b>			<b>753</b>
20	Sảnh; hành lang giao thông; thang	218	1	218
21	Phòng phụ trợ	61	1	61
22	Phòng hội thảo lớn	164	1	164
23	Nghiệp vụ chung	56	1	56
24	Khối nghiệp vụ - quản lý	62	1	62
25	Chi cục phó	56	1	56
26	Khối phòng đọc, sao chụp, quản lý kho	56	1	56
27	Khu vệ sinh chung	21	1	21
28	Diện tích kết cấu, tường xây	59		59
29	<b>TẦNG 4</b>			<b>753</b>
30	Sảnh; hành lang giao thông; thang	218	1	218
31	Phòng đọc	252	1	252
32	Nghiệp vụ chung	31	1	31
33	Khu tiếp nhận, phân loại, khử trùng	120	1	120
34	Khu lưu trữ chuyên dụng	56	1	56
35	Khu vệ sinh chung	21	1	21
36	Diện tích kết cấu, tường xây	55		55
37	<b>TẦNG 5</b>			<b>753</b>
38	Sảnh; hành lang giao thông; thang	218	1	218

39	Khu phục chế, in sao hồ sơ	90	1	90
40	Khu lưu trữ số, DC	85	1	85
41	Khu lưu trữ chuyên dụng	120	1	120
42	Khu lưu trữ chuyên dụng	56	1	56
43	Khu lưu trữ chuyên dụng	106	1	106
44	Khu vệ sinh chung	21	1	21
45	Diện tích kết cấu, tường xây	57		57
46	<b>TẦNG 6;7</b>			<b>753</b>
47	Sảnh; hành lang giao thông; thang	218	1	218
48	Khu lưu trữ chuyên dụng	252	1	252
49	Khu lưu trữ chuyên dụng	120	1	120
50	Khu lưu trữ chuyên dụng	56	1	56
51	Nghiệp vụ chung	31	1	31
52	Khu vệ sinh chung	21	1	21
53	Diện tích kết cấu, tường xây	55		55
54	<b>TẦNG TUM - TẦNG KỸ THUẬT</b>			<b>190</b>
55	Sảnh; hành lang giao thông; thang	80	1	80
56	Kỹ thuật	74	1	74
57	Kỹ thuật	16	1	16
58	Diện tích kết cấu, tường xây	20		20
	<b>Tổng cộng</b>			<b>5468</b>

### 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng trồng lúa nước từ hai vụ trở lên, việc chuyển đổi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

### 2. Hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có tác động xấu đến môi trường

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Đối tượng bị tác động
<b>II. Giai đoạn xây dựng</b>			
01	Đào đắp, san lấp mặt bằng xây dựng	- Bụi, tiếng ồn do máy móc thi công; - Bụi và khí thải, tiếng ồn do hoạt động san ủi mặt bằng, xe tải vận chuyển đất đá đổ thải, vật liệu san lấp; - CTR xây dựng: đất đá thải bỏ ...	Môi trường không khí
02	Tập kết, dự trữ, bảo quản nguyên, nhiên liệu phục vụ thi công	- Xe tải vận chuyển VLXD phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn; - Rò rỉ, phát tán chất ô nhiễm từ các kho chứa, bãi chứa nguyên vật liệu, xăng dầu.	Môi trường không khí; Môi trường đất; Môi trường nước;
03	Xây dựng các hạng mục công trình của dự án	- Vận chuyển máy móc, phương tiện phục vụ thi công xây dựng; - Quá trình thi công của các máy móc, thiết bị; - CTR xây dựng và nước thải xây dựng.	Môi trường không khí; Môi trường đất; Môi trường nước;
04	Sinh hoạt của công nhân xây dựng tại công trường	- Hoạt động sinh hoạt của công nhân làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và nước thải sinh hoạt	Môi trường không khí; Môi trường đất; Môi trường nước;
<b>III. Giai đoạn hoạt động</b>			
01	Hoạt động của các phương tiện vận chuyển tài liệu, sách báo, hồ sơ	Bụi, khí thải từ động cơ xe	Khu dân cư, các cơ quan thuộc khu hành chính tỉnh
02	Nước mưa chảy tràn	Nước mưa cuốn theo nhiều bụi bẩn, rác thải	
03	Hoạt động của các cán bộ công nhân viên quản lý kho lưu trữ	Nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt	
04	Hoạt động bảo quản lưu trữ tài liệu có sử dụng các hóa chất phòng chống mối mọt, khử axit	Hơi axit, hơi thuốc phun khử mối mọt	

### 3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

### **3.1. Tác động trong giai đoạn thi công xây dựng**

#### **a. Tác động từ chất thải rắn:**

- Thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng: khoảng 1,05 tấn.
- Đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ: 24.400 m<sup>3</sup> (bao gồm đất nông nghiệp, đất giao thông, thủy lợi).
- Chất thải rắn xây dựng: khoảng 10-15 kg/ngày.
- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng: khoảng 5-10 kg/ngày.
- Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này không đáng kể.

#### **b. Tác động từ khí thải:**

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển vật liệu, máy móc thi công cơ giới.
- Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển, tập kết vật liệu trên công trường.
- Bụi, khí thải từ các hoạt động thi công trên công trường.

#### **c. Tác động từ nước thải:**

- Nước thải thi công xây dựng phát sinh từ các hoạt động: rửa cốt liệu, dưỡng hệ bê tông. Thành phần nước thải loại này có chứa nhiều cặn lắng từ vật liệu xây dựng, có nồng độ pH thấp. Lượng phát sinh khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng và lắp máy có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã và vi sinh... Tổng lượng phát sinh khoảng 2,5 m<sup>3</sup>/ngày.

### **3.2. Tác động trong giai đoạn vận hành dự án**

#### **a. Bụi và khí thải phát sinh do vận hành các phương tiện vận chuyển**

Lượng bụi phát sinh do xe máy, xe ô tô, xe tải. Do tính phức tạp và không xác định của nguồn thải vì vậy phạm vi lan truyền của đối tượng này không thể dự báo thông qua mô hình toán học. Tuy nhiên, sau khi hoàn thành, với mặt đường nhẵn của lớp bê tông nhựa asphalt và sử dụng phổ biến lớp xe có bề mặt tiếp xúc hạn chế, lượng bụi phát sinh là không đáng kể, nếu việc vệ sinh mặt đường định kỳ được thực hiện nghiêm túc.

Động cơ của các phương tiện giao thông tạo ra không chỉ bụi lơ lửng mà còn cả các khí độc như: Nitơ Oxit (NO<sub>x</sub>), Các bon Oxit (CO) và VOC.

#### **b. Tác động của nước mưa chảy tràn**

Đây là nguồn thải tự nhiên và không liên tục, phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện



tự nhiên và khí hậu của địa phương. Bản thân nước mưa không gây ô nhiễm môi trường nhưng khi chảy tràn nước mưa sẽ cuốn trôi bụi bẩn và đất cát xuống đường cống thoát nước. Tổng lượng nước mưa trong khu vực dự án khoảng 546,8 m<sup>3</sup>/h (với lưu lượng nước mưa lớn nhất khoảng 100 mm).

Tuy nhiên, trong giai đoạn hoạt động chất lượng nước mưa tương đối sạch do phần lớn bề mặt đã được cứng hóa, có mái che nên không có nhiều đất, cát, cặn lắng cuốn theo. Tại các vị trí thu gom và tập kết chất thải của dự án đều được bố trí có mái che đã hạn chế các tác động rửa trôi chất thải của nước mưa xuống hệ thống thoát nước xung quanh khu vực dự án.

#### **c. Nước thải sinh hoạt:**

Tại Dự án không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt của CBCNV dự án phát sinh từ khu vực: nhà vệ sinh, bồn nước rửa tay, khu vực văn phòng... Với số cán bộ công nhân viên dự án là 23 người thì khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,61 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Như vậy lượng nước thải sinh hoạt của toàn bộ dự án được tính toán như sau:

$$1,61 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 100\% = 1,61 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Thành phần nước thải sinh hoạt bao gồm: COD, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>3</sub>, N-hữu cơ, N-NO<sub>3</sub>, N-NO<sub>2</sub>, Phốt pho, SS (cặn lơ lửng), DS (cặn hòa tan), chất béo, vi khuẩn gây bệnh.

### **4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

#### **4.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng**

##### *a. Đối với chất thải rắn:*

- Phế thải hữu cơ từ phát quang bề mặt: hợp đồng với đơn vị vận chuyển đổ bỏ theo quy định.

- Đất thải từ quá trình nạo vét hữu cơ được tận dụng để đắp bờ bao, trồng cây xanh dọc tuyến dự án.

- Chất thải rắn xây dựng: tập kết và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đổ thải theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy, định kỳ thuê đội vệ sinh môi trường của xã thu gom xử lý theo quy định.

##### *b. Đối với nước thải:*

- Nước thải xây dựng được thu gom, xử lý bằng các bể lắng tạm thời, nước trong tái sử dụng.

- Nước thải sinh hoạt thu gom bằng các nhà vệ sinh di động, định kỳ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý.

*c. Đối với bụi, khí thải:*

- Phun nước làm ẩm khi đào đắp, san nền.
- Phun nước trên tuyến đường giao thông.
- Che chắn bãi chứa vật liệu tạm tránh phát tán bụi.
- Kiểm soát phương tiện vận chuyển, các xe vận chuyển được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường; xe được vệ sinh sau khi vận chuyển; vệ sinh tuyến đường gần khu vực thi công giảm thiểu phát sinh bụi.

#### ***4.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành dự án***

- Thực hiện trồng cây xanh tại các tuyến đường nội bộ và ranh giới dự án với các dự án khác để tạo cảnh quan đẹp đồng thời hút bụi và khí thải do các phương tiện giao thông gây ra. Các loại cây được trồng trên toàn tuyến là: cây bụi, cây ngâu, cây bóng mát, dưới nền trồng cỏ chỉ.

- Để ngăn ngừa tác động do nước mưa chảy tràn cuốn theo lớp đất bẩn trên bề mặt các công trình trong giai đoạn vận hành Dự án, biện pháp hiệu quả nhất làm sạch mặt đường thường xuyên theo định kỳ và trước khi xuất hiện cơn mưa. Như vậy, mức ô nhiễm trong dòng nước chảy tràn từ cơn mưa đầu tiên còn lại rất nhỏ. Sau cơn mưa đầu, nước chảy tràn của những cơn mưa trong vòng 10 ngày sau sẽ không còn hoặc rất ít chất bẩn.

- Làm vệ sinh nội bộ dự án tại các vị trí đường nội bộ, sân, các công trình phụ trợ 01 ngày/ lần để thu gom bụi, đất bẩn.

- Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó đầu nối vào hạ tầng thoát nước thải của khu cơ quan hành chính tỉnh (theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 15/3/2023).

- Trồng cây xanh hai bên đường, tại các khu vực nhạy cảm như khu dân cư gần với dự án để giảm thiểu tiếng ồn.

### **5. Chương trình giám sát môi trường của dự án**

#### ***5.1. Giai đoạn xây dựng***

*a. Giám sát môi trường không khí:*

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn, độ rung.
- Vị trí quan trắc (04 điểm): Tại 04 góc của dự án.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

*b. Giám sát CTR thông thường:*

- Số điểm giám sát: 02 điểm.
- Vị trí giám sát:
  - + 01 điểm tại khu vực tập kết CTR sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường.
  - + 01 điểm tại bãi tập kết CTR xây dựng tạm thời trên công trường thi công.
- Nội dung giám sát:
  - + Khối lượng từng loại CTR phát sinh (CTR sinh hoạt và CTR xây dựng).
  - + Giám sát thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt đến điểm tập kết rác của phường Hoàng Diệu để xử lý theo quy định; số lần vận chuyển/tuần.
  - + Giám sát phân loại, tập kết CTR đúng nơi quy định; lượng CTR tái sử dụng san nền, lượng đất đắp bờ bao trồng cây xanh...

**5.2. Giai đoạn vận hành dự án**

Dự án không phải thực hiện quan trắc giám sát nước thải, không khí xung quanh và khí thải trong giai đoạn hoạt động của dự án.